

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn và cấp dưỡng
nuôi con chung sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa,
tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ
ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly
hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 1A, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Phùng Thanh K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L

(Bà X có mặt, ông K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và
tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:* Bà và ông Phùng
Thanh K chung sống với nhau vào ngày 20/01/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày

03/5/2019. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 07/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, chúng tôi thường xuyên cãi nhau vì vậy bà X đã về gia đình cha mẹ ruột sống. Hai vợ chồng ly thân từ tháng 07/2021. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà yêu cầu ly hôn ông Phùng Thanh K.

Về con chung: Có một con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 01/02/2020. Khi ly hôn bà X yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phùng Thanh K trình bày tại bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh X chung sống với nhau vào ngày 20/01/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2021 do ông làm ăn thua lỗ thì mới phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc giữa hai vợ chồng. Ông và bà X ly thân từ tháng 07/2021 đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Có một con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 01/02/2020. Trường hợp ly hôn ông đồng ý để cho bà X được nuôi con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự thấy rằng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu ly hôn với ông K vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng nên đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Ông K không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X về việc “ly hôn” đối với bị đơn ông K. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K thống nhất trường hợp ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh X được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 01/02/2020. Ông Phùng Thanh K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phùng Thanh K. Ông K đang cư trú tại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn ông Phùng Thanh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phùng Thanh K.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 53/HT 2019 đăng ký ngày 03/5/2019 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp nên hôn nhân giữa bà X và ông K là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, bà X cho rằng bà và ông K đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Ông K thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau và có thời gian ly thân từ tháng 7/2019 như bà X trình bày nhưng ông không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông K mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà X nhưng lại không đưa ra được bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà X để bà X chấp nhận đoàn tụ mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải và cho hai bên thời gian đề đoàn tụ nhưng tại phiên tòa bà X vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa, ông K vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông K không có thiện chí để hàn gắn tình cảm trong khi thời gian ly thân đã lâu và bà X vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà X và ông Kiên là có thật, quan hệ hôn

nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà X kiên quyết ly hôn với ông K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Phùng Thanh K là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K thống nhất có một con chung tên Phùng Quang Khải, sinh ngày 01/02/2020. Trường hợp ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K thống nhất thỏa thuận cho bà Nguyễn Thị Thanh X được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 01/02/2020. Ông Phùng Thanh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Do đó, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần Hội đồng xét xử ghi nhận giao con chung Phùng Quang K cho bà X tiếp tục trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông Phùng Thanh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi.

Về thời gian cấp dưỡng: Do bà X không xác định thời gian cấp dưỡng, ông K vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Buộc ông Phùng Thanh K phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 59, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn” đối với bị đơn ông Phùng Thành Khiết.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Phùng Thanh K

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 01/02/2020. Ông Phùng Thanh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Phùng Quang K đủ 18 tuổi.

Về thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phùng Thanh K đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009677 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Thanh X đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc ông Phùng Thanh K phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Phùng Thanh K chưa nộp.

6. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phùng Thanh K vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành